

TẬP ĐOÀN
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
VIỆT NAM
BỆNH VIỆN BƯU ĐIỆN
Số: 133/BVBD-KD&ĐT
V/v: Yêu cầu báo giá TBYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Bưu điện có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu thuộc dự án Mua sắm thiết bị phòng mổ năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Bưu điện - Số 49, phố Trần Điện, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Phòng Văn thư - Bệnh viện Bưu điện

Địa chỉ: Số 49, phố Trần Điện, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội

Số điện thoại: 024.32252841

Email: phongkddt@benhvienbuudien.vn

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn thư, Bệnh viện Bưu điện - Số 49, phố Trần Điện, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội.

Đồng thời gửi bản Báo giá scan qua email: phongkddt@benhvienbuudien.vn.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ h ngày 24 tháng 7 năm 2025 đến trước 09h ngày 04 tháng 8 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 150 ngày, kể từ ngày 04 tháng 8 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế:

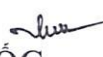
STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính	Đơn vị sử dụng
1	Máy gây mê kèm thở	Phụ lục 01 đính kèm	02	Cái	Khoa Gây mê hồi sức
2	Bộ dụng cụ mổ Phaco	Phụ lục 01 đính kèm	02	Bộ	Khoa Mắt

2. Mẫu Báo giá: Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các đơn vị. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, P. KD&ĐT.


KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Thanh Tú

PHỤ LỤC 01
CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA CÁC THIẾT BỊ
(Kèm theo công văn số: 4959/BVBD-KD&ĐT ngày 24 tháng 7 năm 2025)

STT	CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA CÁC THIẾT BỊ
I.	MÁY GÂY MÊ KÈM THỜ
1.	YÊU CẦU CHUNG
	- Hàng mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương
	- Hàng hóa có chứng nhận CE hoặc FDA hoặc tương đương
	- Yêu cầu về xuất xứ (Máy chính): Các nước thuộc nhóm G7
	- Nguồn điện sử dụng: 220V, 50Hz
	- Môi trường hoạt động:
	+ Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C
	+ Độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$
2.	YÊU CẦU CẤU HÌNH
	- Máy chính (kèm phụ kiện tiêu chuẩn): 01 Cái
	<i>Tôi thiểu đã bao gồm:</i>
	+ Màn hình: 01 cái
	+ Bộ trộn khí điện tử cho cả O2 và Air: 01 bộ
	+ Cảm biến dòng chảy: 01 cái
	+ Bộ dây cấp khí nén: 01 bộ
	+ Bộ dây cấp Oxy: 01 bộ
	+ Hệ thống hấp thụ CO2 với bình vôi soda sử dụng nhiều lần: 01 bộ
	+ Bộ thải khí mê: 01 bộ
	+ Bình bốc hơi: 01 bình
	+ Bộ dây ống thở cho người lớn, sử dụng nhiều lần: 01 bộ
	+ Bộ dây ống thở cho trẻ em, sử dụng nhiều lần: 01 bộ
	+ Bộ dây thở cho trẻ sơ sinh: 01 bộ
	+ Bộ mặt nạ thở người lớn, sử dụng nhiều lần: 01 bộ
	+ Bộ mặt nạ thở trẻ em, sử dụng nhiều lần: 01 bộ
	+ Mặt nạ thở sơ sinh: 01 cái
	+ Bóng bóp: 01 cái
	+ Phổi giả: 01 cái
	+ Vôi sô đa: 4.5 kg
	+ Xe đẩy và hệ thống bánh xe với khóa bánh và ngăn kéo để đồ: 01 bộ
	+ Bộ cung cấp khí oxy phụ trợ tích hợp trong máy: 01 bộ
	+ Móc đỡ dây thở: 01 bộ
	+ Khối đo khí mê tích hợp trong thân máy: 01 cái
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ
3.	YÊU CẦU KỸ THUẬT
	Máy chính:
	- Sử dụng công nghệ bóng xếp/turbine/bộ phản hồi thể tích hoặc tương đương, được bố trí có thể nhìn thấy.
	- Sử dụng được cho người lớn, trẻ em và trẻ sơ sinh.
	- Máy sử dụng gây mê được với lưu lượng thấp tối thiểu ≤ 200 ml/phút
	- Có phần mềm giúp tự động thực hiện các thủ thuật thông khí (hoặc huy động phế nang) bằng nhịp thở áp lực một bước hoặc nhiều bước

PHỤ LỤC 01
CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA CÁC THIẾT BỊ
(Kèm theo công văn số: 4939/BVBD-KD&ĐT ngày 24 tháng 7 năm 2025)

STT	CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA CÁC THIẾT BỊ
I.	MÁY GÂY MÊ KÈM THỜ
1.	YÊU CẦU CHUNG
	- Hàng mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương
	- Hàng hóa có chứng nhận CE hoặc FDA hoặc tương đương
	- Yêu cầu về xuất xứ (Máy chính): Các nước thuộc nhóm G7
	- Nguồn điện sử dụng: 220V, 50Hz
	- Môi trường hoạt động:
	+ Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C
	+ Độ ẩm tối đa: ≥ 70 %
2.	YÊU CẦU CẤU HÌNH
	- Máy chính (kèm phụ kiện tiêu chuẩn): 01 Cái
	<i>Tối thiểu đã bao gồm:</i>
	+ Màn hình: 01 cái
	+ Bộ trộn khí điện tử cho cả O2 và Air: 01 bộ
	+ Cảm biến dòng chảy: 01 cái
	+ Bộ dây cấp khí nén: 01 bộ
	+ Bộ dây cấp Oxy: 01 bộ
	+ Hệ thống hấp thụ CO2 với bình vôi soda sử dụng nhiều lần: 01 bộ
	+ Bộ thải khí mê: 01 bộ
	+ Bình bốc hơi: 01 bình
	+ Bộ dây ống thở cho người lớn, sử dụng nhiều lần: 01 bộ
	+ Bộ dây ống thở cho trẻ em, sử dụng nhiều lần: 01 bộ
	+ Bộ dây thở cho trẻ sơ sinh: 01 bộ
	+ Bộ mặt nạ thở người lớn, sử dụng nhiều lần: 01 bộ
	+ Bộ mặt nạ thở trẻ em, sử dụng nhiều lần: 01 bộ
	+ Mặt nạ thở sơ sinh: 01 cái
	+ Bóng bóp: 01 cái
	+ Phôi giá: 01 cái
	+ Vôi sô đa: 4.5 kg
	+ Xe đẩy và hệ thống bánh xe với khóa bánh và ngăn kéo để đồ: 01 bộ
	+ Bộ cung cấp khí oxy phụ trợ tích hợp trong máy: 01 bộ
	+ Móc đỡ dây thở: 01 bộ
	+ Khối đo khí mê tích hợp trong thân máy: 01 cái
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ
3.	YÊU CẦU KỸ THUẬT
	Máy chính:
	- Sử dụng công nghệ bóng xếp/turbine/bộ phản hồi thể tích hoặc tương đương, được bố trí có thể nhìn thấy.
	- Sử dụng được cho người lớn, trẻ em và trẻ sơ sinh.
	- Máy sử dụng gây mê được với lưu lượng thấp tối thiểu ≤ 200 ml/phút
	- Có phần mềm giúp tự động thực hiện các thủ thuật thông khí (hoặc huy động phế nang) bằng nhịp thở áp lực một bước hoặc nhiều bước

STT	CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA CÁC THIẾT BỊ
	- Hệ thống xe đẩy có bánh xe di chuyển, có giá để monitor theo dõi bệnh nhân. Có bàn để dụng cụ gây mê.
	- Màn hình màu cảm ứng kích thước ≥ 15 inches theo dõi các chỉ số thở, chỉ số mê
	- Có thể lắp ≥ 02 bình bốc hơi
	- Hệ thống trộn khí: công nghệ trộn khí điện tử
	- Van giới hạn áp lực điều chỉnh tối đa: ≥ 70 cm H ₂ O
	- Bình chứa vôi soda: $\geq 0,7$ kg, (hoặc thể tích ≥ 700 ml)
	- Tổng thể tích hệ thống thở, bao gồm cả bình vôi soda: ≤ 4 Lít
	- Có cổng thải khí mê, cho phép cắm vào hệ thống thải khí trung tâm
	- Có hệ thống cung cấp khí Oxy phụ trợ tích hợp trong thân máy, điều chỉnh lưu lượng từ $0 - \geq 10$ L/phút.
	- Tích hợp khối đo khí mê, đo nồng độ khí mê và các loại khí: CO ₂ (EtCO ₂ , FiCO ₂); O ₂ (EtO ₂ , FiO ₂); N ₂ O.
	- Hiện thị giá trị nồng độ khí mê, oxy, CO ₂ trên màn hình của máy gây mê.
	- Cảm biến lưu lượng công nghệ chênh áp/sợi nhiệt, có thể hấp tiệt trùng được
	- Cảm biến oxy công nghệ thuận từ
	- Tích hợp đèn chiếu sáng cho ≥ 1 vị trí bàn làm việc
	- Có ổ quy sạc lại, đảm bảo cho máy hoạt động khi mất điện tối đa: ≥ 90 phút.
	Phần thở:
	- Cấp O ₂ nhanh tối đa: ≥ 70 Lít/phút
	- Máy có chức năng chuyển sang chế độ chờ (Standby)
	* Các mode thở:
	- Kiểm soát bằng tay (Manual)
	- Mode kiểm soát thể tích VCV hoặc tương đương
	- Mode kiểm soát áp lực PCV hoặc tương đương
	- Mode kiểm soát áp lực đảm bảo thể tích hoặc tương đương
	- Mode thở cưỡng bức ngắt quãng đồng bộ SIMV:
	+ Thể tích SIMV-VC hoặc tương đương
	- Mode thở hỗ trợ áp lực với dự phòng ngưng thở hoặc tương đương
	- Hỗ trợ gây mê vòng hở hoặc tương đương
	* Các thông số thở:
	- Thể tích khí lưu thông Vt: $\leq 5 - \geq 1500$ ml
	- Thông khí phút tối đa: ≥ 40 L/phút
	- Dải áp lực hít vào: $\leq 5 - \geq 50$ cmH ₂ O
	- Dải giới hạn áp lực: $\leq 15 - \geq 80$ cmH ₂ O
	- Tần số thở: từ $\leq 4 - \geq 100$ nhịp/phút
	- Tỷ lệ I:E: $\leq 1:8 - \geq 2:1$
	- Trigger: Độ nhạy trigger dòng: từ $\leq 0,3$ tới ≥ 10 lít/phút
	- PEEP: từ $\leq 4 - \geq 30$ cmH ₂ O
	* Các thông số có thể cài đặt báo động:
	- Thông khí phút (VE): Cao/thấp
	- Báo động ngưng thở
	- Áp lực đường thở: cao/thấp
	- Nồng độ % FiO ₂ : Cao/thấp
	* Các thông số theo dõi:
	- Thông khí phút: ≤ 2 tới ≥ 20 L/phút

STT	CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA CÁC THIẾT BỊ
	- Thể tích khí lưu thông: từ ≤ 150 tới ≥ 2000 ml
	- Theo dõi nồng độ % Oxy
	- Áp lực: từ ≤ -20 tới ≥ 95 cmH ₂ O
	<u>Phân gây mê:</u>
	<u>Khí CO₂</u>
	- Theo dõi EtCO ₂ và FiCO ₂
	- Dải đo: từ 0 tới $\geq 13\%$
	- Loại cảm biến: cảm biến hồng ngoại
	- Có thể thay đổi cảnh báo cao/thấp EtCO ₂ và FiCO ₂
	<u>Khí O₂</u>
	- Cảm biến O ₂ sử dụng công nghệ thuận từ
	- Theo dõi nồng độ EtO ₂
	- Nồng độ FiO ₂
	+ Dải đo khoảng từ 0 tới 100%
	- Có thể điều chỉnh giới hạn cảnh báo cao-thấp EtO ₂ và FiO ₂
	<u>Khí N₂O</u>
	- Dải đo: từ 0 tới 100%
	<u>Thuốc mê (AA)</u>
	- Isoflurane
	+ Dải đo: từ $\leq 0,1$ tới $\geq 5\%$
	- Servoflurane
	+ Dải đo: từ $\leq 0,1$ tới $\geq 8\%$
	- Desflurane
	+ Dải đo: $\leq 0,1$ tới $\geq 20\%$
	- Tự động nhận dạng thuốc mê
	- Hiện thị được thông số MAC
	- Phát hiện được hỗn hợp khí
	- Có thể điều chỉnh giới hạn cảnh báo cao-thấp EtAA và FiAA
	- Ngưỡng xác định (nhận diện) khí mê: $\leq 0,3$ vol%
	<u>Hiện thị đồ thị</u>
	- Hiện thị được đồng thời ≥ 3 đồ thị dạng sóng
	- Các đồ thị dạng sóng có thể lựa chọn tối thiểu gồm:
	+ Áp lực
	+ Lưu lượng
	+ Khí mê hoặc CO ₂
4.	CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC
	- Địa điểm giao hàng: tại Cơ sở 1, Bệnh viện Bưu điện.
	- Bảo hành tối thiểu: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu và đưa vào sử dụng.
	- Thời gian giao hàng: ≤ 150 ngày kể từ ngày hợp đồng kinh tế có hiệu lực
	- Đào tạo, hướng dẫn thành thạo cho người dùng tại nơi sử dụng.
	- Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian ≥ 5 năm sau bán hàng.
	- Có bảng báo giá chi tiết các phụ kiện, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao (nếu có) kèm theo.
	- Có bảng báo giá chi phí bảo trì sau thời gian bảo hành.
	- Có cam kết cung cấp dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng.

STT	CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA CÁC THIẾT BỊ
II.	BỘ DỤNG CỤ MỔ PHACO
1.	YÊU CẦU CHUNG
	- Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau.
	- Nhà sản xuất đạt chứng chỉ chất lượng: ISO 13485, CE hoặc FDA hoặc tương đương
	- Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm G7
	- Bộ dụng cụ thuộc cùng một hãng sản xuất
	- Sai số về kích thước tối đa: $\pm \leq 2\%$
	- Thép không gỉ hoặc cao cấp hơn
	- Hấp diệt trùng nhiệt độ tối đa: ≥ 121 độ C
	- Dụng cụ có khắc mã bằng laser theo tiêu chuẩn mã vạch quốc tế
2.	YÊU CẦU KỸ THUẬT
	Bộ dụng cụ mổ Phaco tối thiểu 18 chi tiết, bao gồm:
	1. Hộp đựng tương thích với bộ dụng cụ, có thể đựng được tối đa: ≥ 20 dụng cụ
	- Số lượng: 01 cái
	2. Vành mi
	- Thiết kế Double -X, lưỡi 13mm, vạt khóa xoay, chiều dài tổng thể 74 mm.
	-Số lượng: 02 cái
	3. Panh giác mạc Thorpe
	-Đầu 2x3 răng, kích thước đầu 0,12mm. Chiều dài tổng thể 101 mm
	-Số lượng: 02 cái
	4. Panh giác mạc Snider-Castroviejo
	-Loại 1x2 răng, có chốt, đầu panh 0,12 mm. Chiều dài tổng thể 106 mm
	-Số lượng: 02 cái
	5. Panh rút chỉ Tennant
	-Cán tròn dài 6 mm có chốt, dùng cho mũi khâu 9-0 đến 11-0 hoặc mũi khâu 9-0 đến 12-0. Chiều dài tổng thể: 101 mm
	-Số lượng: 02 cái
	6. Panh xé bao kiểu Giannetti hoặc Inamura
	Cán và đầu tinh tế, độ mở hàm tối đa 1,75mm. Chiều dài tổng thể 98 mm.
	Số lượng: 02 cái
	7. Panh đặt nhân
	-Hàm hình nón với bề mặt bên trong phẳng, chiều dài tổng thể 99 mm
	-Số lượng: 02 cái
	8. Kéo Vanas kết giác mạc tù Sarkisian hoặc sarkisian-Westcott
	-Loại lưỡi dao nhỏ.
	- Chiều dài tổng thể: 105 mm hoặc 110 mm.
	-Số lượng: 02 cái
	9. Kéo cắt mỏng, bao nhon Iris
	-Đầu nhọn, lưỡi nhỏ, cong.
	-Chiều dài tổng thể (mở): 105 mm
	-Chiều dài lưỡi dao: 9 mm
	-Số lượng: 02 cái
	10. Kim mang kim
	-Kim kẹp hàm phải cực kỳ tinh tế, cong, có khóa.
	- Chiều dài tổng thể (mở): 124 mm hoặc 135 mm

STT	CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA CÁC THIẾT BỊ
	-Số lượng: 02 cái
	11. Chopper chia nhân tù kiểu Dodick-Kammann
	-Chopper 1,5mm, góc cong.
	-Chiều dài cả dụng cụ: 119 mm
	-Chiều rộng đầu tip: 0.4mm
	-Góc ở 12 mm
	-Số lượng: 02 cái
	12. Chopper chia nhân nhọn kiểu Nagahara hoặc Kagawa
	Lưỡi góc lệch 60 độ, đầu móc 1mm cắt ngang và đầu nhọn để cắt dọc.
	-Chiều rộng đầu tip: 0.4mm
	-Số lượng: 02 cái
	13. Tay cầm tưới
	- Kích thước 23 gauge, cổng bên kép, đường kính 0,3 mm
	-Số lượng: 01 cái
	14. Tay cầm hút
	- Kích thước 21 gauge, cổng bên 0,35mm
	-Số lượng: 01 cái
	15. Móc mỏng mắt
	-Sáu móc linh hoạt dài 10 mm
	-Có thể khử trùng bằng hơi nước, có thể tái sử dụng
	-Số lượng: 01 cái
	16. Ange lấy nhân
	-Số lượng: 02 cái
	17. Đinh nước
	-Đầu hình bầu dục nhọn 20 Gauge có cánh tự giữ bằng titan.
	-Số lượng: 01 cái
	18. Kéo thẳng
	-Loại đầu nhọn.
	-Số lượng: 02 cái
3.	CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC
	- Địa điểm giao hàng: tại Cơ sở 1, Bệnh viện Bưu điện.
	- Bảo hành tối thiểu: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu và đưa vào sử dụng.
	- Thời gian giao hàng: ≤ 150 ngày kể từ ngày hợp đồng kinh tế có hiệu lực
	- Đào tạo, hướng dẫn thành thạo cho người dùng tại nơi sử dụng.
	- Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian ≥ 5 năm sau bán hàng.
	- Có bảng báo giá chi tiết các phụ kiện, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao (nếu có) kèm theo.
	- Có bảng báo giá chi phí bảo trì sau thời gian bảo hành.
	- Có cam kết cung cấp dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng.

PHỤ LỤC 02
MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số: /BVBĐ-KD&ĐT ngày tháng năm 2025 của Bệnh viện Bưu điện)

TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Bưu điện tại Công văn số ngày, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Tên thiết bị theo cách gọi của đơn vị báo giá ⁽³⁾	Đơn vị tính ⁽⁴⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽⁵⁾	Mã HS ⁽⁶⁾	Năm sản xuất ⁽⁷⁾	Xuất xứ ⁽⁸⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁹⁾	Đơn giá bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹¹⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹²⁾ (VND)
1	Máy gây mê kèm thở										
2	Bộ dụng cụ mổ Phaco										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng....năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].
3. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: tạm ứng tối đa 30% giá trị sau khi ký hợp đồng và thanh toán theo từng giai đoạn thực hiện hợp đồng.
4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹³⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo cách gọi của đơn vị báo giá/ theo công bố của nhà sản xuất.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn vị tính của hàng hóa theo đúng yêu cầu trong Yêu cầu báo giá.
- (5) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (7), (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) tương ứng với từng thiết bị.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị.
- (12) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND).
Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (13) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.